UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP TIẾNG KHMER
Mã số học phần: 200384

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: *Ngữ pháp tiếng Khmer*

Tên Tiếng Anh: *Khmer grammar*

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sư phạm Ngữ văn và Ngôn ngữ Khmer

Khoa: Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết; 02 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 19 tuần (04 tiết/tuần).

Học kỳ: IV (học kỳ 2 năm thứ 2)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: Thạch Sa Phone *(SĐT: 0354761931; Email:saphone@tvu.edu.vn).*
- GV cùng giảng dạy:
  + Thạch Ngọc Châu *(SĐT: 094.969.2330; Email: tnchau@tvu.edu.vn).*
  + Tăng Văn Thòn *(Email: tvthon@tvu.edu.vn)*

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: *Dẫn luận ngôn ngữ học*

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☑					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☑		Tốt nghiệp ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☑ Tiếng Khmer ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 1
- Ngày hiệu chỉnh: 7/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Quy định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp Khmer: từ loại trong tiếng Khmer, các loại cụm từ trong tiếng Khmer; các thành phần chính, thành phần phụ trong câu tiếng Khmer; các loại câu chia theo cấu trúc, mục đích phát ngôn; hệ thống dấu câu trong tiếng Khmer. Từ đó giúp sinh viên nhận biết và sử dụng đúng từ loại, tạo lập cụm từ đúng quy tắc cấu tạo, viết câu đúng cấu trúc, đúng mục đích giao tiếp, sử dụng đúng dấu câu khi viết.

IV. Kết quả học tập mong đợi:

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
200384	Ngữ pháp tiếng Khmer	L	M	L	M	L	L			H	M	M	

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO1	Nhận biết các từ loại, chức năng ngữ pháp của từ loại trong tiếng Khmer: Danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ,….	ELO: 1, 2, 4
CELO2	Nhận biết chứ năng ngữ pháp của các thành phần câu, dấu câu trong tiếng Khmer.	ELO: 1, 2, 3, 4
Kĩ năng		
CELO3	Dùng đúng từ loại phù hợp với ngữ cảnh	ELO: 5, 6, 9, 10
CELO4	Sử dụng đúng dấu câu trong tiếng Khmer	ELO: 5, 6, 9, 10
CELO5	Viết câu đúng cấu trúc trong tiếng Khmer	ELO: 5, 6, 9, 10
Thái độ		
CELO6	Thể hiện ý thức sử dụng tiếng Khmer đúng ngữ pháp, phù hợp mục đích giao tiếp.	ELO: 11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên diễn giảng các vấn đề lý thuyết cốt lõi, chia sinh viên thành các nhóm nhỏ để làm bài tập nhóm, thực hành tổng hợp.

- Diễn giảng trên lớp: giảng viên sẽ trình bày những nội dung quan trọng, cốt lõi trong các chương và giải đáp thắc mắc của sinh viên.

- Hướng dẫn sinh viên cách thực hiện bài tập nhóm.
- Bài tập nhóm: Giảng viên giao bài tập cho từng nhóm.
- Sinh viên thảo luận nhóm và báo cáo thuyết trình.

5.2. Phương pháp học tập

- Lắng nghe, trả lời câu hỏi.
- Đọc tài liệu và trả lời câu hỏi, nhận xét, phản biện, đánh giá.
- Thực hành: Từng nhóm thuyết trình; tham gia thực hành nhóm.
- Làm bài tập cá nhân.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Sinh viên cần đọc trước tài liệu môn học trước khi đến lớp.
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết trên lớp; tham gia hoạt động nhóm.
- Làm bài tập cá nhân.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học, tham gia đầy đủ.
- Các nhóm chủ động tổ chức quản lý nhóm, phân công nhiệm vụ công bằng và rõ ràng;
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Tham gia Elearning.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá tham dự lớp (chiếm 10%): Thái độ tham dự và thời gian tham dự lớp

- Đánh giá quá trình (chiếm 30%): Bài kiểm tra tại lớp

- Đánh giá E-learning (chiếm 10%): Bài tập thực hành

- Đánh giá học phần - thi cuối kỳ (chiếm 50%): Tự luận (nội dung liên quan từ loại: Danh từ, Động từ, Tính từ); thành phần chính và thành phần phụ của câu; phân tích cấu trúc câu; Dấu câu trong tiếng Khmer.

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

Học phần nhằm cung cấp cho người học: (1) Tổng quan về ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Khmer (2) Các từ loại trong tiếng Khmer (3) Cụm từ trong tiếng Khmer, đề ngữ, bổ ngữ, định ngữ, trạng từ (4) Thành phần chính và các thành phần phụ của câu (5) Các loại câu trong tiếng Khmer (6) Dấu câu

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương/Bài	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Chủ đề 1: Tổng quan về ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Khmer	CELO 1, 3, 6	Báo cáo thuyết trình	- Đặc điểm về ngữ pháp câu trúc và ngữ pháp chức năng
Chủ đề 2: Các từ loại trong tiếng Khmer	CELO 1, 3, 6	Bài tập cá nhân	- Xác định từ loại. - Phân tích chức năng của từ

			loại trong câu.
Chủ đề 3: Cụm từ trong tiếng Khmer, đề ngữ, bổ ngữ, định ngữ, trạng từ	CELO 2, 4, 6	Thuyết trình, Bài tập cá nhân	- Phân tích chức năng của từ loại trong câu.
Chủ đề 4: Thành phần chính và các thành phần phụ của câu	CELO 2, 4, 6	Thuyết trình, Bài tập cá nhân	- Phân tích chức năng của các thành phần câu - Viết câu - So sánh câu tiếng Khmer và tiếng Việt.
Chủ đề 5: Các loại câu trong tiếng Khmer	CELO 2, 4, 6	Thuyết trình, Bài tập cá nhân	- Phân tích câu. - Viết câu.
Chủ đề 6: Dấu câu	CELO 2, 4, 6	Bài tập cá nhân	- Xác định dấu câu. - Phân tích chức năng từng dấu câu

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (10%)	Bài tập e-learning (10%)	Kiểm tra quá trình 1 (15%)	Kiểm tra quá trình 2 (15%)	Thi cuối kỳ (50%)
CELO1	✓	✓	✓		✓
CELO2	✓	✓		✓	✓
CELO3	✓	✓		✓	✓
CELO4	✓	✓	✓	✓	✓
CELO5	✓	✓	✓	✓	✓
CELO6	✓	✓	✓	✓	✓

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của HP (CELO)
1	Chủ đề 1: Tổng quan về ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Khmer	CELO 1, 3, 6
2 - 7	Chủ đề 2: Các loại từ trong tiếng Khmer	CELO 1, 3, 6
8 - 11	Chủ đề 3: Cụm từ trong tiếng Khmer, đề ngữ, bổ ngữ, định ngữ, trạng từ.	CELO 2, 4, 6
12 - 14	Chủ đề 4: Thành phần chính và các thành phần phụ của câu	CELO 2, 4, 6
15 - 17	Chủ đề 5: Các loại câu trong tiếng Khmer	CELO 2, 4, 6
18-19	Chủ đề 6: Dấu câu	CELO 2, 4, 6

X. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Khmer

1. ចន្ទសំណាព្ (២០១០). បង្កើតពាក្យ កម្ចីពាក្យ បម្រើបម្រាស់ពាក្យ. រោងពុម្ពរាជបណ្ឌិតសភាកម្ពុជា។

2. គង់សុខហេង (២០០៨). វេយ្យាករណ៍ខ្មែរនិងបំណិនផ្សេងៗ. រោងពុម្ពពេជ្រណៃត។

3. នួន សុធិមន្ត (២០០៧). សមាគមអាស៊ាន. បណ្ណាគារអង្គរធំ។

4. ចន្ធ វត្តនា(២០១៣) វេយ្យាករណ៍ខ្មែរ.សាកលវិទ្យាល័យភូមិន្ទ។

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, bút điều khiển slide, ...

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA	**TRƯỞNG BỘ MÔN**	**GV BIÊN SOẠN**
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*
		Thạch Sa Phone

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá): …….
2. Chức danh, học vị: ……..
3. Đơn vị công tác: Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ
4. Họ và tên sinh viên thực hiện: ……..
5. Môn học: Ngữ pháp tiếng Khmer
6. Địa điểm thực hiện: Trường Đại học Trà Vinh
7. Thời gian đánh giá: ……

CÁC RUBRIC ĐÁNH GIÁ

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Yếu 25%**	**Kém 0%**
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia các hoạt động	Có chú ý, ít tham gia các hoạt động	Hiếm khi chú ý, hiếm khi tham gia các hoạt động	Không chú ý/không tham gia các hoạt động
Lời phê						
Thời gian tham dự	50	Mỗi lần tham dự tính 0,5 điểm, tham dự đủ đạt điểm tối đa				
		1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19				
		☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒ ☒				
Lời phê						
Tổng						

Rubric 2: Bài kiểm tra viết (2 lần)

Tiêu chí	**Thang điểm 10**	**Mức chất lượng**				
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**	**Kém**
		100%	*75%*	*50%*	*25%*	*0% -*
Nội dung kết quả	9.0 điểm	Đáp án đúng	Đáp án đúng 75%	Đáp án đúng 50%	Đáp án đúng 25%	Không có đáp án đúng
Lời phê						
Hình thức	1.0 điểm	Diễn đạt rõ ràng, không sai chính tả	Diễn đạt tương đối rõ ràng, không mắc lỗi chính tả	Tương đối rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả	Thiếu rõ ràng, sai nhiều lỗi chính tả	Diễn đạt khó hiểu, không đúng với yêu cầu đề

Lời phê						
Tổng						

Rubric 3: Bài tập thực hành trên E-learning

Tiêu chí	**Thang điểm 10**	**Mức chất lượng**				
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**	**Kém**
		100%	*75%*	*50%*	*25%*	*0%*
Nội dung kết quả	8.0 điểm	Đáp án đúng	Đáp án đúng 75%	Đáp án đúng 50%	Đáp án đúng 25%	Không có đáp án đúng
Lời phê						
Hình thức	1.0 điểm	Diễn đạt rõ ràng, không sai chính tả	Diễn đạt tương đối rõ ràng, không mắc lỗi chính tả	Tương đối rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả	Thiếu rõ ràng, sai nhiều lỗi chính tả	Diễn đạt khó hiểu, không đúng với yêu cầu đề
Lời phê						
Tuân thủ thời hạn	1.0 điểm	Đúng hạn			Trễ hạn trong vòng 1 tuần	Trễ hạn quá 1 tuần
Tổng						

Rubric 4: Đánh giá cuối môn học

Câu hỏi	**Tiêu chí**	**Thang điểm 10**		**Mức chất lượng**			
			Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**	**Kém**
			100%	*75%*	*50%*	*25%*	*25%*
Câu hỏi 1: Xác định từ loại trong tiếng Khmer. Phân tích chức năng ngữ pháp của từ loại trong câu.	Nội dung kết quả	2.5 điểm	Đáp án đúng	Đáp án thiếu 1 ý	Đáp án thiếu 2 ý	Đáp án thiếu 3 ý trở lên	Đáp án không đúng
Câu hỏi 2: Trình bày giới từ trong tiếng Khmer. Thực hành viết câu có giới từ.	Nội dung kết quả	2.5 điểm	Đáp án đúng	Đáp án thiếu 1 ý	Đáp án thiếu 2 ý	Đáp án thiếu 3 ý trở lên	Đáp án không đúng
Câu hỏi 3: Phân tích cấu trúc câu.	Nội dung kết quả	2.5 điểm					
Câu hỏi 4: Trình bày chức năng của dấu câu.	Nội dung kết quả	2.5 điểm	Đáp án đúng	Đáp án thiếu 1 ý	Đáp án thiếu 2 ý	Đáp án thiếu 3 ý trở lên	Đáp án không đúng
Tổng							